

Bản án số: 200/2024/DS-ST
Ngày: 08/7/2024
V/v Tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **TRẦN VĂN NHU**.
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 189/2024/TB-TA ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **TRẦN THANH TR**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Hòa Quý, xã Hòa Kh, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **BÙI QUANG NH**, sinh năm 1956; Địa chỉ: số 461C, tổ 23, khu 4, thị trấn Cái B, huyện Cái B, tỉnh Tiền G là người đại diện theo ủy quyền của ông Tr (văn bản ủy quyền đề ngày 13/03/2024). (có mặt)

* **Bị đơn:** Bà **LUU THỊ Đ**, sinh năm 1953 (có mặt)

Ông **TRẦN VĂN B**, sinh năm 1947 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Quý, xã Hòa Kh, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Bùi Quang Nhuận** trình bày:

Ông Tr là hụi viên có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Đ, ông B làm đầu thảo hụi cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất khui vào ngày 06/5/2020 âm lịch hội tiền, 01 tháng khui 1 lần, hội tháng một phần hội là 10.000.000 đồng, có 13 phần, ông tham gia 01 phần, ông Tr hốt hội chót nhưng chưa hốt được hội sau khi trừ tiền đầu thảo hội cho bị đơn thì bị đơn còn nợ lại ông số tiền nợ hội là 110.000.000 đồng

Dây hội thứ hai khui vào ngày 19/10/2020 âm lịch hội tiền, hội 01 tháng khui 1 lần, hội tháng một phần hội là 10.000.000 đồng, hội có 21 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã góp đủ hội sống và hốt chót nhưng bị đơn chưa giao tiền hội cho ông và sau khi trừ tiền đầu thảo thì bị đơn còn nợ lại ông số tiền là 190.000.000 đồng. Vợ chồng ông B và bà Đ có trả được cho ông số tiền nợ hội là 140.000.000 đồng

Nay ông Tr yêu cầu bà Lưu Thị Đ và ông Trần Văn B phải trả cho anh tổng số tiền nợ hội của 02 dây hội là 160.000.000 đồng yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn bà Lưu Thị Đ trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Tr về dây hội ngày 19/10/2020 âm lịch còn đối với dây hội ngày 06/5/2020 âm lịch thì bà xác định không đúng, anh Tr tham gia dây hội ngày 06/5/2021 âm lịch chứ không phải là ngày 06/5/2020 âm lịch mà ông Tr đã tham gia chơi hội. Bà xác định còn nợ lại ông Tr số tiền nợ hội là 160.000.000 đồng chưa trả là đúng bà thống nhất với số tiền nợ hội này.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tr thì bà Đ đồng ý trả số tiền nợ hội này một lần vào ngày 22/7/2024. Bà không đồng ý việc ông Tr yêu cầu chồng bà là ông Trần Văn B chịu trách nhiệm liên đới trả nợ hội cùng bà vì hội này chỉ mình bà tham gia ông B không biết việc này cũng không tham gia vào việc tham gia hội giữa bà và anh Tr. Bà xác định tiền lời từ việc chơi hội tôi tự xoay sở cho việc chơi hội của một mình bà không có phục vụ cho đời sống gia đình của chồng con bà. Bà Đ xác định việc bà mở tham gia chơi hội làm đầu thảo thì ông B biết việc mắc nợ thì ông B không biết, ông B biết khi bà mắc nợ là vào năm 2020. Việc bà Đ bị bẻ hội thì ông B biết vào cuối năm 2022 ông chỉ nói đồng ý bán nhà đất để trả nợ.

Theo tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn ông Trần Văn B trình bày: Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr yêu cầu ông B liên đới cùng vợ là bà Lưu Thị Đ để trả tiền nợ hội với số tiền là 160.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông không biết không tham gia vào việc chơi hội của ông Tr và bà Đ việc bà Đ chơi có tiền lời thì bà Đ tự xoay cho công việc của bà Đ chứ không có mục đích phục vụ sinh hoạt chung cho cả gia đình.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện nêu trên. Các bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và lời trình bày nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Trần Thanh Tr và bà Lưu Thị Đ và ông Trần Văn B là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại các Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận và thống nhất có nợ tiền hụi sống của nguyên đơn với tiền tổng cộng là 160.000.000 đồng bị đơn cũng thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên vào ngày 22/7/2024. Do đó, việc bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng chưa trả là có sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của bị đơn ông B không đồng ý liên đới cùng bà Đ để cùng trách nhiệm liên đới trả số nợ hụi cho nguyên đơn thì không có cơ sở chấp nhận do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông B và bà Đ đều thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1971 nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn vào 28/4/2020 tại thời điểm này bà Đ có mở các dây hụi có nguyên đơn tham gia chơi thì bà Đ và ông B vẫn là vợ chồng hợp pháp. Đến ngày 26/9/2022 thì bà Đ và ông B mới có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 152/2022/QĐCNTTLH trong quyết định ly hôn về phần nợ chung bà Đ và ông B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên theo quy định của pháp luật tại Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì số nợ tiền hụi của nguyên đơn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên ông B phải trách nhiệm liên đới. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, phía ông B có ý kiến không đồng ý liên đới trả nợ cùng vợ là bà Đ trả nợ cho nguyên đơn vì ông không biết không liên quan là không phù hợp vì trong quá trình giải quyết bà Đ xác định ông cũng có biết việc bà Đ là vợ ông có làm chủ hụi và biết bà Đ bị bẽ hụi cũng đồng ý bán nhà đất trả nợ bà Đ xác định ông biết việc này vào năm 2022 trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xác định đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông B phải có trách nhiệm liên đới cùng trách nhiệm trả nợ hụi cho nguyên đơn là phù hợp theo đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Thanh Tr số tiền nợ hụi còn thiếu là 160.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn ông B, bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận do ông, bà thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định là người cao tuổi tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường;
- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Tr.
- Buộc ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh Tr số tiền vay còn nợ tổng cộng là: **160.000.000** đồng (Một trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Kể từ ngày ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông B, bà Đ chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận do ông, bà thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định là người cao tuổi tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Hoàn lại cho ông Trần Thanh Tr số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015331 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ÂU THỊ THẢO

